

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ ĐÀ LẠT
TỈNH LÂM ĐỒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 40/2020/HNGĐ - ST

Ngày: 06 - 7 - 2020

V/v tranh chấp “Ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐÀ LẠT - TỈNH LÂM ĐỒNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Lan

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trương Minh Thọ

2. Ông Phạm Quang Vinh

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Thanh Tài - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Đà Lạt - tỉnh Lâm Đồng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Lạt - tỉnh Lâm Đồng tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Ngọc Hiền - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 7 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Đà Lạt - tỉnh Lâm Đồng; xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 172/2020/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 4 năm 2020 về tranh chấp “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 48/2020/QĐXXST - HNGĐ ngày 15 tháng 6 năm 2020 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Trần Thùy L, sinh năm: 1990.

Địa chỉ: Từ L, thị trấn N, huyện L, tỉnh Lâm Đồng (có mặt).

Bị đơn: Anh Nguyễn Hoàng L, sinh năm: 1988.

Địa chỉ: thôn T, xã X, thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng.

Hiện chấp hành án tại: Đội 9K2, trại giam Đ, huyện B, tỉnh Lâm Đồng (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và trình bày của nguyên đơn chị Trần Thùy L thì: Chị và anh L kết hôn năm 2015, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn Nam Ban, huyện Lâm Hà, tỉnh Lâm Đồng. Hôn nhân tự nguyện, có

tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán. Sau khi cưới vợ chồng sống tại Từ Liêm 3, thị trấn N, huyện L, tỉnh Lâm Đồng. Cuộc sống chung hạnh phúc được 1 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh L ham chơi, thường xuyên vi phạm pháp luật, hiện nay đang chấp hành án tại Trại giam Đại Bình về tội mua bán trái phép chất ma túy. Vợ chồng hiện nay đã sống ly thân, nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn nữa, nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh L. Về con chung chị L xác định vợ chồng có 01 con chung là Nguyễn Hoàng Thiên Ân, sinh ngày 03/8/2016. Khi ly hôn chị L yêu cầu được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Ân đến khi thành niên và không yêu cầu anh L phải cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung và nợ chung chị L xác định vợ chồng không có tài sản chung và không có nợ chung, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Theo biên bản lấy lời khai của anh bị đơn anh Nguyễn Hoàng L trình bày thì: Anh và chị L kết hôn ngày 11/5/2015, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn N, huyện L, tỉnh Lâm Đồng, hôn nhân tự nguyện, có tổ chức lễ cưới, thời gian chung sống vợ chồng không có hạnh phúc, vợ chồng thường xuyên cãi vã, bất đồng quan điểm sống, chị L có người đàn ông khác bên ngoài, vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2016 cho đến nay, không ai quan tâm ai, nay tình cảm vợ chồng không còn, do vậy anh L đồng ý ly hôn chị L. Về con chung vợ chồng có 01 con chung là Nguyễn Hoàng Thiên Ân, sinh ngày 03/8/2016, ly hôn anh L đồng ý giao con chung cho chị L được trực tiếp nuôi dưỡng, anh không cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung không có và nợ chung không có.

Do anh L hiện đang chấp hành án tại trại giam Đại Bình và có đơn xin hòa giải xét xử vắng mặt, nên Tòa án không tiến hành thủ tục hòa giải giữa các đương sự được.

Tại phiên tòa, chị Trần Thùy L xác định tình cảm vợ chồng không còn nên vẫn giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn với anh L. Về con chung chị L xác định vợ chồng có 01 con chung là Nguyễn Hoàng Thiên Ân, sinh ngày 03/8/2016, hiện cháu Ân đang sống cùng chị, ly hôn chị có nguyện vọng được quyền trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục đến khi con thành niên và không yêu cầu anh L phải cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung và nợ chung chị L xác định vợ chồng không có tài sản chung và không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Lạt tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán và Hội đồng xét xử. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng trình tự phiên tòa sơ thẩm theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, đương sự có mặt tại phiên tòa đã chấp hành đúng nội quy phiên tòa theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Đồng

thời đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận đơn xin ly hôn của chị L, xử cho chị L được ly hôn với anh L. Về con chung đề nghị giao cháu Nguyễn Hoàng Thiên Ân cho chị L được quyền trực tiếp nuôi dưỡng giáo dục đến khi con trưởng thành, anh L không phải cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung và nợ chung, chị L xác định không có nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn anh Nguyễn Hoàng L hiện đang chấp hành án tại Trại giam Đại Bình, quá trình giải quyết vụ án anh L có đơn xin xét xử vắng mặt, nên căn cứ khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015 xét xử vắng mặt bị đơn theo thủ tục chung.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị L và anh L kết hôn với nhau năm 2015 trên cơ sở tìm hiểu tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn Nam Ban, huyện Lâm Hà, tỉnh Lâm Đồng. Theo chị L cuộc sống chung vợ chồng hạnh phúc được 1 năm thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do anh L ham chơi, thường xuyên vi phạm pháp luật, hiện nay đang chấp hành án tại Trại giam Đại Bình về tội mua bán trái phép chất ma túy. Tại phiên toà, chị L xác định không còn tình cảm với anh L và giữ nguyên yêu cầu được ly hôn; tại biên bản lấy lời khai anh L cũng đồng ý ly hôn theo yêu cầu của chị L. Xét thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa chị L và anh L đã trầm trọng, cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc, hiện nay tình cảm vợ chồng không còn và vợ chồng đã sống ly thân, anh L cũng đồng ý ly hôn vắng mặt. Vì vậy, nếu kéo dài tình trạng hôn nhân như hiện nay cũng không mang lại hạnh phúc cho các đương sự do mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng kéo dài, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên căn cứ Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận đơn xin ly hôn của chị L, xử cho chị L và anh L được ly hôn là hoàn toàn phù hợp.

[3] Về con chung: Chị L và anh L cùng xác định vợ chồng có 01 con chung là Nguyễn Hoàng Thiên Ân, sinh ngày 03/8/2016, hiện nay đang sống cùng chị L; ly hôn chị L có nguyện vọng được quyền trực tiếp nuôi con và anh L cũng đồng ý giao con chung cho chị L được quyền nuôi dưỡng. Xét thấy, hiện nay cháu Nguyễn Hoàng Thiên Ân còn nhỏ đang sống với chị L. Vì vậy để đảm bảo sự ổn định về mặt tâm sinh lý của cháu Ân nên cần tiếp tục giao con chung là Nguyễn Hoàng Thiên Ân cho chị L có trách nhiệm trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục là hoàn toàn phù hợp.

Về việc cấp dưỡng nuôi con: Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa chị L không yêu cầu anh L phải cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Chị L và anh L xác định vợ chồng không có tài sản chung và không có nợ chung, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí: Chị L phải chịu 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28; Điều 147; khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 và Điều 266 của Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015;

- Căn cứ Điều 51; Điều 53; khoản 1 Điều 56; Điều 57; Điều 58; Điều 81; Điều 82; Điều 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Xử:

1/Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Trần Thùy L,

2/Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Trần Thùy L và anh Nguyễn Hoàng L được ly hôn.

3/Về con chung: Giao con chung là Nguyễn Hoàng Thiên Ân, sinh ngày 03/8/2016 cho chị Trần Thùy L có trách nhiệm trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục đến khi con thành niên. Anh Nguyễn Hoàng L không phải cấp dưỡng nuôi con.

Quyền đi lại thăm nom con, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con; quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con; thay đổi mức cấp dưỡng được thực hiện theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình.

4/Về án phí: Chị Trần Thùy L phải chịu 300.000đ (*Ba trăm ngàn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (*Ba trăm ngàn đồng*) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2016/0017340 ngày 21 tháng 4 năm 2020 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Đà Lạt, chị L đã nộp đủ án phí.

Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (*mười lăm*) ngày kể từ ngày tuyên án (06/7/2020). Riêng đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15(*mười lăm*) ngày kể từ ngày nhận được bản

án hoặc kể từ ngày niêm yết bản án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2, Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo các quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lâm Đồng;
- VKSND tp. Đà Lạt;
- Chi cục THADS tp. Đà Lạt;
- UBND thị trấn N, huyện L, tỉnh Lâm Đồng;
- Các đương sự;
- Lưu: bộ phận lưu trữ, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Trần Thị Lan

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Thị Lan

